

**CÔNG TY CỔ PHẦN
CẢNG AN GIANG**

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 28/BC-HĐQT

An Giang, ngày 15 tháng 10 năm 2025

BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

**Về kết quả hoạt động 06 tháng, quý III năm 2025 và
phương hướng hoạt động trong quý IV năm 2025**

Kính gửi: Các thành viên Hội đồng quản trị

Thực hiện chức năng, nhiệm vụ theo quy định tại Điều lệ tổ chức và hoạt động, quy chế nội bộ về quản trị công ty Cổ phần Cảng An Giang (Công ty);

Hội đồng quản trị (HĐQT) Công ty xin báo cáo kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị 6 tháng, Quý III năm 2025 và phương hướng hoạt động quý IV năm 2025 trình cuộc họp Hội đồng quản trị thường kỳ năm 2025, với một số nội dung chính như sau:

Phần 1

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG 06 THÁNG VÀ QUÍ III NĂM 2025

I. Kết quả hoạt động của HĐQT 06 tháng, Quý III năm 2025

1. Đánh giá chung về hoạt động của HĐQT trong 06 tháng, Quý III năm 2025

Trong 06 tháng và quý III năm 2025, thực hiện quy định tại Luật doanh nghiệp, Điều lệ tổ chức và hoạt động, quy chế nội bộ về quản trị của CTCP cảng An Giang, HĐQT đã tổ chức thành công ĐHĐCĐ thường niên năm 2025; ĐHĐCĐ thường niên năm 2025 thông qua hình thức lấy ý kiến trực tiếp cổ đông bằng văn bản đối với các nội dung theo Nghị quyết số 18/NQ-HĐQT, ngày 07/5/2025 của Hội đồng quản trị về việc thống nhất thông qua các nội dung và thời gian tổ chức ĐHĐCĐ thường niên năm 2025 CTCP Cảng An Giang; thực hiện 02 phiên họp thường kỳ của HĐQT và lấy ý kiến bằng văn bản đối với một số nội dung thuộc thẩm quyền của HĐQT. HĐQT đã ban hành các Nghị quyết nhằm định hướng, chỉ đạo kịp thời các hoạt động của Công ty. Các nghị quyết, quyết định được HĐQT thống nhất và định hướng quan trọng giúp Ban điều hành tổ chức thực hiện nhiệm vụ phát triển sản xuất, kinh doanh của Công ty đạt hiệu quả.

* Chi tiết các nghị quyết, quyết định do HĐQT ban hành.

- Nghị quyết số 18/NQ-HĐQT, ngày 07/5/2025 của Hội đồng quản trị về việc thống nhất thông qua các nội dung và thời gian tổ chức ĐHĐCĐ thường niên năm 2025 CTCP Cảng An Giang.

- Nghị quyết số 19/NQ-ĐHĐCĐ, ngày 07/5/2025 của Hội đồng quản trị về một số chủ trương, định hướng nâng cao hiệu quả quản trị trong hoạt động sản xuất, kinh doanh năm 2025 thích ứng với tình hình mới. Hội đồng quản trị thống nhất đề nghị Ban Tổng Giám đốc triển khai thực hiện các nội dung của nghị quyết.

- Nghị quyết số 20/NQ-ĐHĐCĐ, ngày 27/6/2025 của Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025 về việc đánh giá kết quả hoạt động sản xuất, kinh năm 2024 và triển khai phương hướng, nhiệm vụ năm 2025.

- Nghị quyết số 21/NQ-HĐQT, ngày 10/7/2025 của Hội đồng quản trị về việc Quán triệt việc tuân thủ các quy định của pháp luật, tăng cường kỷ luật, kỷ cương, thực hành tiết kiệm, chống lãng phí, tiêu cực khi thực hiện nhiệm vụ được giao.

- Nghị quyết số 22/NQ-HĐQ, ngày 14/7/2025 của Hội đồng quản trị về việc Quyết toán lương, thù lao HĐQT, BKS năm 2024 và Kế hoạch quỹ lương năm 2025.

2. Đánh giá kết quả hoạt động của các thành viên HĐQT trong 06 tháng và quý III năm 2025

2.1. Cơ cấu thành viên Hội đồng quản trị

STT	Họ và tên	Chức vụ	Ghi chú	SLCP số hữu/Đại diện vốn góp SCIC	Tỷ lệ (%)
1	Lê Việt Thành	CT HĐQT	Không điều hành	0	0%
2	Bùi Thành Hiệp	PCT HĐQT	Tổng Giám đốc	2.400/ 4.140.000	0,02%/ 30%
3	Trần Văn Cam	TV HĐQT	P.Tổng Giám đốc	1.200/ 3.171.600	0.01%/ 22,98%
4	Nguyễn Văn Linh	TV HĐQT	Không điều hành	2.531.500/ 0	18,34%/ 0%
5	Phan Thành Tiến	TV HĐQT	Độc lập	15.000/ 0	0,11%/ 0%

2.2. HĐQT đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình theo đúng quy định của pháp luật, Điều lệ, Quy chế và Nghị quyết của ĐHĐCĐ

HĐQT thực hiện công tác quản trị doanh nghiệp đảm bảo đúng quy định của pháp luật, điều lệ, quy chế, đảm bảo lợi ích cho cổ đông và công ty; tạo điều kiện thuận lợi để Ban điều hành chủ động trong công tác điều hành hoạt động sản xuất, kinh doanh song vẫn đảm bảo sự quản lý của HĐQT.

Nhìn chung trong 06 tháng và quý III năm 2025, các thành viên HĐQT đã tham gia đầy đủ các cuộc họp của HĐQT và cho ý kiến bằng văn bản đối với các vấn đề thuộc thẩm quyền của HĐQT với tinh thần trách nhiệm cao, vì lợi ích cao nhất của cổ đông và sự phát triển của Công ty. Ngoài ra, các thành viên HĐQT cũng trao đổi thông tin, nắm bắt tình hình thực hiện nhiệm vụ được giao sau mỗi kỳ họp, đề kịp thời định hướng và chỉ đạo trong thực hiện kế hoạch SXKD.

2.3. Mối quan hệ công tác

Các thành viên HĐQT có sự phối hợp chặt chẽ, trong những vấn đề có liên quan đến quá trình xử lý công việc chung của HĐQT. Những vấn đề, nội dung Ban điều hành trình xin ý kiến HĐQT đều ban hành các nghị quyết, quyết định để Ban điều hành và bộ máy thực hiện, đồng thời HĐQT luôn theo dõi, kiểm tra, giám sát chặt chẽ việc thực hiện các nghị quyết, quyết định đó.

HĐQT phối hợp chặt chẽ với Ban kiểm soát song vẫn đảm bảo tính độc lập hoạt động của Ban kiểm soát. Đối với mỗi cuộc họp, HĐQT đều gửi thông báo mời họp và tài liệu đến Ban kiểm soát theo đúng quy định như đối với thành viên HĐQT, tôn trọng lắng nghe và tiếp thu ý kiến của Ban kiểm soát tham dự cuộc họp của HĐQT.

2.4. Hoạt động của thành viên độc lập HĐQT

Trong 06 tháng và quý III năm 2025, thành viên độc lập HĐQT hoàn thành nhiệm vụ được HĐQT giao, thực hiện đầy đủ vai trò của thành viên HĐQT. Trong các phiên họp thường kỳ của HĐQT, thành viên độc lập HĐQT nghiên cứu và đưa ra các ý kiến trao đổi, đóng góp về chiến lược, giải pháp, phương hướng thực hiện kinh doanh để Ban điều hành nghiên cứu, tiếp thu và điều chỉnh cho phù hợp.

3. Công tác tổ chức, nhân sự, tiền lương

- HĐQT ban hành các nghị quyết về:

+ Chỉ đạo thực hiện kiện toàn tổ chức, gắn với nâng cao chất lượng dịch vụ xếp dỡ để mang lại hiệu quả, đáp ứng sự kỳ vọng của Quý cổ đông. Thống nhất giao Ban điều hành công ty tiếp tục, rà soát kiện toàn bộ máy tổ chức, đủ năng lực thực hiện nhiệm vụ quản lý và điều hành hoạt động sản xuất, kinh doanh linh hoạt trong sử dụng lao động để nâng cao năng suất, chất lượng, hiệu quả.

+ Quyết toán quỹ tiền lương năm 2024 và phê duyệt kế hoạch lao động quỹ tiền lương năm 2025 để Ban điều hành chủ động thực hiện các công việc có liên quan, chi trả lương, đảm bảo quyền lợi của người lao động theo quy định.

- Ban Điều hành thực hiện điều chỉnh Đề án Phân phối tiền lương theo Nghị định số 44/2025/NĐ-CP, ngày 28/02/2025 của Chính phủ về quản lý lao động, tiền lương, thù lao, tiền thưởng trong doanh nghiệp nhà nước; gắn với kế hoạch sản xuất, kinh doanh được Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025 thông qua; đồng thời tiếp tục, rà soát hoàn chỉnh đồng bộ các văn bản pháp lý, các quy định nội bộ, theo chức năng, nhiệm vụ để bảo đảm tính chủ động, phối hợp nhịp nhàng của bộ máy điều hành các cấp trong công ty.

4. Hoạt động giám sát của HĐQT đối với Ban Điều hành

Trong 6 tháng và quý III năm 2025, HĐQT đã tích cực trong công tác lãnh đạo, chỉ đạo, theo dõi sát sao hoạt động của Ban điều hành, kịp thời giải quyết những vấn đề phát sinh thuộc thẩm quyền của HĐQT nhằm để ổn định nội bộ phát triển sản xuất. Việc giám sát hoạt động của Tổng Giám đốc và các thành viên Ban điều hành đã được HĐQT thực hiện theo đúng quy định tại Điều lệ, Quy chế và quy định của pháp luật.

- Tại các cuộc họp HĐQT, Tổng Giám đốc công ty đã thực hiện báo cáo tình hình sản xuất, kinh doanh, tình hình tài chính và những công việc cần giải trình, những khó khăn cần tháo gỡ theo đề nghị của Hội đồng quản trị

- Ngoài ra, HĐQT còn trực tiếp giám sát việc thực hiện báo cáo và công bố thông tin định kỳ và bất thường tới Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Sở giao dịch Chứng khoán Hà Nội và Tổng công ty Lưu ký và Bù trừ chứng khoán Việt Nam.

- Rà soát thống nhất các nội dung báo cáo trình trước Đại hội Đồng cổ đông thường niên Công ty tổ chức ngày 27/6/2025.

- Duy trì chế độ báo cáo định kỳ đối với HĐQT của Ban Tổng Giám đốc về tình hình kinh doanh và điều hành công ty.

5. Hoạt động giám sát của BKS đối với HĐQT, Ban Tổng Giám đốc

- Ban kiểm soát kiểm tra, giám sát để đảm bảo công ty thực hiện đúng Luật Doanh nghiệp, Điều lệ công ty và Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông năm 2025.

- Kiểm tra và thẩm định báo cáo sản xuất, kinh doanh, báo tài chính của công ty quý, 06 tháng và những kiến nghị.

6. Sự phối hợp hoạt động giữa BKS đối với hoạt động của HĐQT, Ban Tổng Giám đốc và các cán bộ quản lý khác

- Ban kiểm soát chủ động phối hợp với HĐQT, Ban Tổng Giám đốc trong công tác kiểm tra, giám sát hoạt động sản xuất, kinh doanh của công ty. Thường xuyên trao đổi thông tin và tài liệu liên quan đến những vấn đề kiến nghị.

- HĐQT và Ban Tổng Giám đốc cũng tạo điều kiện thuận lợi cho Ban kiểm soát trong việc thu thập thông tin, tài liệu liên quan đến hoạt động sản xuất, kinh doanh của công ty.

7. Thù lao của HĐQT, BKS 06 tháng và quý III năm 2025

Việc chi trả thù lao của HĐQT, BKS công ty CP Cảng An Giang được thực hiện theo đúng nghị quyết của ĐHĐCĐ năm 2025.

- Thù lao HĐQT: 09 tháng 2025 là 207.000.000 đồng/ 05 thành viên.

- Thù lao Ban kiểm soát: 09 tháng 2025 là 63.000.000 đồng/ 03 thành viên.

II. Đánh giá việc thực hiện Nghị quyết ĐHĐCĐ năm 2025

Trong 6 tháng và quý III năm 2025, Hội đồng quản trị đã triển khai thực hiện các nội dung đã được Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025 phê duyệt tại Nghị quyết số 20/NQ-ĐHĐCĐ, ngày 27 tháng 6 năm 2025. Hội đồng quản trị, thể hiện sự quyết tâm và trách nhiệm của mình đối với công tác lãnh đạo, chỉ đạo, như:

- Về hoạt động SXKD của Công ty và trách nhiệm đối với cổ đông. Tuy nhiên trong 06 tháng và quý III năm 2025, tình hình hoạt động SXKD vẫn còn gặp nhiều khó khăn đối với hệ thống các cảng trong khu vực Đồng bằng sông Cửu long, do tác động từ chính sách thuế quan của Mỹ, làm đảo lộn chuỗi cung ứng toàn cầu, gây lạm phát và đe dọa tăng trưởng kinh tế thế giới. Trước tình hình đó, cho thấy hàng hóa chủ lực của tỉnh xuất nhập qua cảng như: Lúa, gạo, thủy sản,.. gặp nhiều khó khăn đầu ra, giá cả hàng hóa xuất khẩu không ổn định; đặc biệt là gạo, container

xuất qua Cảng An Giang; mặt khác sức mua thị trường giảm, nhất là gạo xuất đi các tỉnh phía Bắc. Từ đó cho thấy hàng hóa, lượt tàu vào cảng giảm, cơ cấu hàng hóa xuất qua cảng không đồng đều, ảnh hưởng đến doanh thu và lợi nhuận.

- Về thực hiện nội dung của Nghị quyết được ĐHĐCĐ thường niên năm 2025: Đã lựa chọn Công ty kiểm toán độc lập thực hiện việc kiểm toán báo cáo tài chính năm 2025 là Công ty TNHH Kiểm toán A & C – Chi nhánh Cần Thơ.

Quá đó, HĐQT Công ty có những định hướng chỉ đạo kịp thời, để Công ty duy trì hoạt động sản xuất, kinh doanh ổn định lao động, tạo việc làm và thu nhập cho người lao động trong giai đoạn khó khăn.

1.2. Kết quả thực hiện kế hoạch SXKD 06 tháng và quý III năm 2025

a/. Kết quả thực hiện kế hoạch SXKD 06 tháng

Chỉ tiêu	ĐVT	Kế hoạch năm 2025	Thực hiện 06 tháng	Tỷ lệ %	Tỷ lệ % so CK
1. Sản lượng hàng hóa	Tấn	1.200.000	549.645	45,80	126,39
2. Tổng doanh thu	Tr.đồng	49.650	23.670	47,67	94,63
3. Lợi nhuận trước thuế	//	2.600	17.997	0,59	2,49
4. Số đã nộp Ngân sách	//	5.007	1.377	27,50	130,64

b/. Kết quả thực hiện kế hoạch SXKD Quý III, lũy kế 09 tháng

Chỉ tiêu	ĐVT	Kế hoạch năm 2025	Thực hiện Quý III	Tỷ lệ % KH Quý	Lũy kế thực hiện 09 tháng	Tỷ lệ % 9 tháng/năm	Tỷ lệ % so CK
1. Sản lượng hàng hóa	Tấn	1.200.000	307.087	102,36	856.732	71,39	131,53
2. Tổng doanh thu	Tr.đồng	49.650	12.880	103,76	36.550	73,61	102,70
3. Lợi nhuận trước thuế	//	2.600	(159)	(24,46)	(177)	(6,82)	52,16
4. Số đã nộp Ngân sách	//	5.007	384	30,67	1.761	35,17	104,60

1.3. Tình hình đầu tư, tình hình kinh doanh

Về công tác đầu tư: Để tiếp tục mở rộng sản xuất, kinh doanh, nhất là khai thác dịch vụ logistics vận chuyển hàng hóa container đến các nhà máy trong và ngoài tỉnh. Công ty đầu tư mua sắm 03 đầu kéo container để đáp ứng theo yêu cầu khách hàng, khi đưa hàng hóa đến cảng vào lúc cao điểm. Các thủ tục đầu tư thực hiện theo quy định của pháp luật Nhà nước.

Phần 2

ĐỊNH HƯỚNG HOẠT ĐỘNG CỦA HĐQT QUÍ IV NĂM 2025

Bên cạnh cửa luồng bồi lắng chỉ cho tàu có tải trọng nhỏ 5.000 tấn ra, vào cảng xếp dỡ hàng; giá cả hàng hóa nông thủy sản xuất khẩu không ổn định; sự cạnh tranh của các cảng trong khu vực lân cận về giá xếp dỡ, về dịch vụ,... thời tiết cuối

năm mưa bão thất thường ảnh hưởng đến năng suất xếp dỡ, thời gian chạy tàu đến cảng giảm.

Tình hình hoạt động sản xuất, kinh doanh của công ty quý IV năm 2025 dự báo sẽ còn gặp không ít khó khăn, thách thức do ảnh hưởng chính sách thuế quan của Mỹ, sẽ tác động đến hàng hóa xuất khẩu của các nước, đặc biệt là các mặt hàng chủ lực của tỉnh như lúa, gạo, thủy sản,... xuất qua Cảng An Giang.

Ngoài ra, công ty còn có những khó khăn, như:

- Thị trường hoạt động dịch vụ kinh doanh khai thác cảng tại khu vực ngày càng cạnh gay gắt của nhiều cảng lân cận, do cung vượt quá cầu.
- Giá cước xếp dỡ giữa các cảng luôn chịu sự cạnh tranh và có xu hướng giảm giá.
- Cửa luồng cho tàu có trọng tải lớn vào các cảng trên sông hậu chưa được khơi thông, chỉ cho tàu có trọng tải nhỏ (5.000 tấn) ra, vào các cảng trên Sông hậu xếp dỡ hàng.
- Phương tiện thiết bị xếp dỡ đã cũ, hư hỏng thường xuyên làm tăng chi phí sửa chữa, chi phí đăng kiểm, kiểm định; ảnh hưởng đến hiệu quả hoạt động sản xuất, kinh doanh, chất lượng cung cấp dịch vụ.

Từ những khó khăn nêu trên, để thực hiện Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025 có kết quả. HĐQT trình những vấn đề sau:

1. Nhiệm vụ trọng tâm quý IV năm 2025

Qua đánh giá tình hình thực hiện 06 tháng đầu năm và quý III năm 2025. Hội đồng quản trị định hướng hoạt động quý IV năm 2025. Với các chỉ tiêu chính về sản xuất, kinh doanh, như sau.

- + Tổng sản lượng phân đầu: Đạt từ 350.000 tấn đến 400.000 tấn
- + Tổng doanh thu phân đầu: Đạt từ 12,5 đến 13,5 tỷ đồng
- + Lợi nhuận trước thuế: Phân đầu có lợi nhuận.

2. Những định hướng phát triển công ty

HĐQT xác định nhiệm vụ trọng tâm hoạt động kinh doanh của cảng là phát triển cung ứng dịch vụ bốc xếp hàng hóa, kho bãi, dịch vụ logistics. Vì vậy, HĐQT tập trung chỉ đạo nâng cao năng lực quản lý, điều hành, nâng cao chất lượng nguồn nhân lực, tính chuyên nghiệp và kỷ luật lao động của cán bộ, công nhân viên, người lao động; nâng cao năng suất lao động để gia tăng sức cạnh tranh; tìm kiếm và mở rộng thị phần gắn với chất lượng dịch vụ hiện có.

- Mục tiêu của công ty là: Tối đa hóa lợi nhuận của cổ đông, lợi ích của CB.CNV, người lao động công ty. Đồng thời tiếp tục phát triển, nâng cao đời sống người lao động trên cơ sở sản xuất có hiệu quả.

- Định hướng sản xuất kinh doanh của công ty:

+ Giữ vững sự ổn định phát triển sản xuất, kinh doanh; đảm bảo doanh thu và lợi nhuận, chia cổ tức hàng năm.

+ Lấy sản xuất, kinh doanh dịch vụ xếp dỡ hàng hóa làm trọng tâm. Đồng thời khai thác tốt các cơ hội kinh doanh đem lại lợi nhuận cao để hỗ trợ. Trước mắt cần tận dụng, khai thác tốt cơ sở hạ tầng hiện có.

+ Tăng cường hợp tác với các đối tác, chủ hàng, các đơn vị logistics, các nhà đầu tư, ... tận dụng tốt cơ hội mở rộng hoạt động sản xuất, kinh doanh.

3. Đối với hoạt động SXKD và công tác của HĐQT

Hội đồng quản trị và Ban điều hành sẽ có những chỉ đạo mạnh mẽ để khắc phục những khó khăn, để thúc đẩy phát triển kinh doanh của công ty theo nghị quyết đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025 đề ra.

- Về các dịch vụ trọng tâm: Cần duy trì và nâng cao chất lượng các dịch vụ thế mạnh của Công ty như: dịch vụ xếp dỡ, giao nhận, kho hàng, lai dắt, cung ứng tàu biển,...đồng thời tận dụng những lợi thế về cơ sở vật chất, trang thiết bị hiện có, kết hợp linh hoạt các phương thức để nâng cao năng lực cạnh tranh của công ty.

- Về hoạt động liên doanh, liên kết: Tiếp tục tăng cường và mở rộng kết hợp chặt chẽ với các đối tác, chủ hàng, các đơn vị khai thác dịch vụ logistics, ... để tận dụng tốt cơ hội kinh doanh trước mắt cũng như lâu dài.

- Bên cạnh triển khai các giải pháp hoạt động công ty:

+ Duy trì khai thác đối với 02 mặt hàng chiến lược hiện nay là gạo xuất khẩu và gạo đóng container. Bên cạnh có chính sách chăm sóc khách hàng, nâng cao chất lượng dịch vụ, mở rộng khai thác thêm thị phần, để tăng nguồn thu cho công ty.

+ Áp dụng các biện pháp tích cực để thu hồi nợ đọng; bảo toàn và phát triển vốn, đáp ứng được yêu cầu về sản xuất.

+ Tăng cường công tác quản trị doanh nghiệp, kiểm soát chi phí, tiết giảm chi phí. Thực hiện triệt để việc thất thoát, lãng phí trong hoạt động kinh doanh nhằm để nâng cao hiệu quả.

+ Quản lý và sử dụng linh hoạt, hợp lý lao động trên cơ sở khối lượng công việc hiện có, bên cạnh gắn quyền lợi với kết quả công việc nhằm khuyến khích người lao động nâng cao năng suất hiệu quả công tác.

Trên đây là báo cáo của HĐQT 06 tháng, quý III năm 2025 về kết quả thực hiện Nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên năm 2025 và định hướng hoạt động quý IV năm 2025.

Nơi nhận:

- Các thành viên HĐQT,
- Ban kiểm soát,
- Ban điều hành C.ty,
- Lưu: VP.HĐQT.

T/M HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH

CÔNG TY
CP
CẢNG
AN GIANG

TP. LONG XUYEN - T. AN GIANG

Lê Việt Thành

CÔNG TY CỔ PHẦN
CẢNG AN GIANG

Số: 93 /BC-CAG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

An Giang, ngày 15 tháng 10 năm 2025

BÁO CÁO

Tình hình hoạt động sản xuất, kinh doanh 06 tháng, quý III năm 2025
và phương hướng hoạt động SXKD trong quý IV năm 2025

Kính gửi: Các thành viên Hội đồng quản trị

Phần 1

KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG SXKD 06 THÁNG, QUÍ III NĂM 2025

I. Những thuận lợi và khó khăn ảnh hưởng đến hoạt động SXKD trong 06 tháng đầu năm và quý III năm 2025

Thuận lợi: Tập thể cán bộ - công nhân viên, người lao động luôn có tinh thần cực phấn đấu hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao. Có lực lượng công nhân bốc xếp tay nghề cao được khách hàng yên tâm, tin tưởng khi đưa tàu về cảng. Các cơ quan quản lý Nhà nước như Cảng Vụ Hàng Hải, Hải quan, biên phòng cửa khẩu Cảng Mỹ Thới, kiểm dịch y tế,... luôn tạo điều kiện thuận lợi trong việc giải quyết các thủ tục về tàu biển, hàng hóa, phương tiện ... nhanh chóng cho chủ tàu, chủ hàng.

Khó khăn: Khó khăn lớn nhất hiện nay là do khu vực xung quanh cảng chưa hình thành được các khu công nghiệp lớn, dẫn đến nguồn hàng không đa dạng, phụ thuộc chủ yếu vào mặt hàng gạo xuất khẩu bằng tàu rời. Tuy nhiên tình trạng luồng lạch không ổn định bị bồi lắng thường xuyên đã gây cản trở cho tàu ra vào cảng, ảnh hưởng trực tiếp đến năng lực khai thác. Bên cạnh đó gạo đóng cont tại cảng không thể cạnh tranh với các cảng khu vực Thành Phố Hồ Chí Minh do chi phí vận chuyển container và cho phí bốc xếp 2 đầu cảng cao và quãng đường vận chuyển xa. Ngoài ra, các yếu tố như nhu cầu thị trường biến động, chi phí ngày càng tăng như: phí môi trường, kiểm định, đăng kiểm, phòng cháy chữa cháy,... và sự cạnh tranh gay gắt giữa các cảng trong khu vực cũng ảnh hưởng đến hiệu quả hoạt động của Công ty trong 6 tháng và quý III năm 2025.

Có những nguyên nhân chính dẫn đến sự sụt giảm này là:

1. Do chính sách thuế quan của Mỹ, làm đảo lộn chuỗi cung ứng toàn cầu, tác động đến hàng hóa xuất nhập khẩu của các nước. Điều này ảnh hưởng trực tiếp đến

hàng hóa chủ lực xuất qua Cảng An Giang như: gạo xuất khẩu, gạo đóng container giảm mạnh trong 09 tháng đầu năm 2025

2. Luồng cho tàu lớn vào sông Hậu bị cạn, tàu ra vào luồng phải chờ thủy triều làm mất nhiều thời gian và chi phí của hãng tàu. Từ đó các chủ tàu hạn chế xếp hàng tại khu vực các cảng trên Sông Hậu trong đó có Cảng Mỹ Thới; chủ tàu, khách hàng phải dịch chuyển giao hàng lên các cảng khu vực thành phố Hồ Chí Minh. Điều này làm cho sản lượng hàng hóa thông qua Cảng sụt giảm đáng kể, kéo theo doanh thu xếp dỡ giảm, cảng phí, lai dắt, buộc mở dây và doanh thu các dịch vụ hàng hải khác như nước ngọt, cát lót, đổ rác... cũng giảm theo. Từ đó ảnh hưởng đến kết quả hoạt động kinh doanh trong 06 tháng và quý III năm 2025.

3. Thị trường bất động sản chưa phục hồi, ảnh hưởng trực tiếp đến ngành xây dựng, làm cho lượng xi măng tại các nhà máy tiêu thụ chậm, tồn kho nhiều nên các nhà máy xi măng tiêu thụ clinker ít. Điều này làm cho sản lượng clinker thông qua cảng sụt giảm.

II. Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh 06 tháng và quý III năm 2025

Bước vào thực hiện nhiệm vụ sản xuất, kinh doanh 6 tháng, quý III năm 2025, với nhiều khó khăn, thách thức của kinh tế thế giới và trong nước. Tổng giám đốc cùng với Ban điều hành đề ra các giải pháp cụ thể cho từng lĩnh vực, bám sát nhiệm vụ trọng tâm được Đại hội đồng Cổ đông thường niên năm 2025 thông qua. Chỉ đạo, triển khai mọi nguồn lực từ khai thác đến sản xuất, kinh doanh. Cùng với sự quyết tâm của toàn thể CB – CNV người lao động trong toàn Công ty cố gắng phấn đấu hoàn thành các chỉ tiêu kế hoạch đề ra.

1. Một số chỉ tiêu sản xuất kinh doanh:

a/. Kết quả thực hiện các chỉ tiêu 06 tháng đầu năm 2025

STT	Chỉ tiêu	Đvt	Thực hiện 06 tháng	% so với kế hoạch	% so với cùng kỳ
1	Sản lượng thông qua	Tấn	549.645	45,80	126,39
2	Doanh thu	Tỷ đồng	23,670	47,67	94,63
3	Lợi nhuận trước thuế	Triệu đồng	18	0,69	3,49
4	Nộp ngân sách	Tỷ đồng	1,377	27,50	130,64
5	Thu nhập bình quân	Tr.đồng/người/tháng	8,3		

b/. kết quả thực hiện các chỉ tiêu Quý III năm 2025

Chỉ tiêu	ĐVT	Kế hoạch năm 2025	Thực hiện Quý III	Tỷ lệ % KH Quý	Lũy kế thực hiện 09 tháng	Tỷ lệ % 9 tháng/năm	Tỷ lệ % so CK
1. Sản lượng hàng hóa	Tấn	1.200.000	307.087	102,36	856.732	71,39	131,53
2. Tổng doanh thu	Tr.đồng	49.650	12.880	103,76	36.550	73,61	102,70
3. Lợi nhuận trước thuế	//	2.600	(159)	(24,46)	(177)	(6,82)	52,16
4. Số đã nộp Ngân sách	//	5.007	384	30,67	1.761	35,17	104,60

2. Phân tích một số chỉ tiêu:

Với kết quả trên cho thấy sản lượng, doanh thu và lợi nhuận 6 tháng, quý III năm 2025 không đạt kế hoạch đề ra. Nguyên nhân là do các mặt hàng chủ lực của cảng sụt giảm. Trong đó:

a/. Đối với XN cảng Mỹ Thới

- Gạo xuất khẩu: Sản lượng thông qua Cảng trong 6 tháng và quý III năm 2025 là: 175.000 tấn đạt 64,79% kế hoạch, so với cùng kỳ tăng 58,94%.

- Container: Sản lượng thông qua cảng trong 6 tháng và quý III năm 2025 là: 13.403 tues đạt 67% kế hoạch và bằng 99,2% so với cùng kỳ.

- Clinker: Sản lượng thông qua cảng trong 6 tháng và quý III năm 2025 là: 22.244 tấn đạt 14,8% kế hoạch và bằng 69,6% so với cùng kỳ.

- Phân bón: Chỉ mới nhập kho từ tháng 8 đến nay là: 6.125 tấn; còn lại sắt thép, gỗ và mặt hàng khác là: 91.692 tấn chiếm tỷ trọng thấp so với cơ cấu hàng hóa qua cảng.

b/. Đối với Xí Nghiệp Cảng Bình Long: Sản lượng hàng hóa thông qua Cảng chủ yếu là phân bón và nguyên liệu chế biến thức ăn chăn nuôi (khoai mì lát, bã đậu nành). Sản lượng hàng hóa thông qua cảng 6 tháng, quý III năm 2025 là: 101.926 tấn đạt 68% kế hoạch năm và bằng 90,2% so với cùng kỳ; Doanh thu 5,869 tỷ đồng đạt 61,8% kế hoạch và bằng 81,5% so với cùng kỳ. Doanh thu và sản lượng hàng hóa thông qua cảng 6 tháng và quý III giảm so với cùng, một phần thị trường tiêu thụ thiếu ổn định, do ảnh hưởng đầu ra nông thủy sản xuất khẩu.

c/. Đối với Xí nghiệp Vận tải bộ: Hàng hóa vận chuyển của XN Vận tải bộ trong 6 tháng, quý III năm 2025, chủ yếu là container đóng gạo tại các nhà máy. Kết quả vận chuyển được 1.071 container đóng gạo tại nhà máy (tương đương với 27.846 tấn gạo) đạt 45,1% kế hoạch năm và bằng 7,2% so với cùng kỳ. Doanh thu 3,186 tỷ đồng, đạt 68,5% kế hoạch và bằng 107,2% so với cùng kỳ. Cho thấy lãnh đạo Xí nghiệp chủ động trong công tác điều hành hàng hóa vận chuyển các, dù kế hoạch không đạt, nhưng so với cùng kỳ có tăng trưởng trong điều kiện kinh tế khó khăn. Bên cạnh, quan tâm

chăm sóc khách hàng; lực lượng tài xế vận chuyển container làm việc với tinh thần tận tụy, thái độ phục vụ khách hàng tốt và nhất là việc chấp hành các quy định về an toàn giao thông đường bộ khi tham gia vận chuyển hàng hóa.

c/. Đối với phòng kế hoạch thương vụ: Thực hiện tốt chức năng khai thác hàng hóa thường xuyên tiếp cận chủ tàu, các đại lý hàng hải để tiếp thị và cung cấp các dịch vụ hàng hải như: Nước ngọt, cát lót, đồ rác và các dịch vụ hàng hải khác theo yêu cầu của khách hàng. Doanh thu của bộ phận dịch vụ cung ứng tàu biển 6 tháng và quý III năm 2025 là: 1,064 tỷ đồng đạt 88,7% kế hoạch và bằng 122% so với cùng kỳ.

III. Các mặt hoạt động điều hành

1. Công tác quản lý khai thác điều hành

Công tác khai thác hàng hóa: Mặc dù gặp nhiều khó khăn trong khai thác hàng hóa do luồng cho tàu trọng tải lớn vào sông hậu bị hạn chế bởi môn nước thấp tàu lớn vào nhận hàng đủ tải không ra được nhưng bộ phận khai thác hàng hóa vẫn thường xuyên liên hệ với khách hàng, các đại lý hàng hải tìm kiếm những loại tàu có tải trọng phù hợp về cảng để nhận hàng. Chủ động tìm kiếm khách hàng mới, mặt hàng mới để đa dạng nguồn hàng thông qua cảng nhằm giảm bớt rủi ro trong kinh doanh, giữ mối liên hệ chặt chẽ với khách hàng truyền thống. Thường xuyên theo dõi biến động của thị trường và chủ động trước tình hình thị trường ngày càng cạnh tranh gay gắt để có những chính sách điều chỉnh hợp lý, kịp thời trong từng giai đoạn, đồng thời không ngừng nâng cao chất lượng dịch vụ, xây dựng thương hiệu để cạnh tranh với các Cảng khác trong khu vực.

Chủ động xây dựng phương án kinh doanh, có cơ chế chính sách giá phù hợp với từng thời kỳ trong năm để thu hút khách hàng. Triển khai các giải pháp tiết kiệm, giảm chi phí đảm bảo hoàn thành các chỉ tiêu SXKD của Công ty.

Công tác kiểm soát chi phí luôn được quan tâm và chỉ đạo sát sao. Trong điều kiện nguồn hàng còn nhiều khó khăn, mức độ cạnh tranh ngày càng gia tăng thì việc tiết kiệm chi phí là biện pháp hữu hiệu giúp phòng ngừa rủi ro và nâng cao thu nhập cho người lao động. Tại các cuộc họp giao ban đầu tuần Tổng Giám đốc Công ty thường xuyên nhắc nhở các bộ phận sản xuất phải nâng cao tinh thần tiết kiệm, các phòng ban chuyên môn phải quản lý chặt chẽ các chi phí. Nhất là chi phí mua sắm công cụ, dụng cụ sản xuất, cấp phát nhiên vật, chi phí sửa chữa...

Công tác tổ chức: Làm tốt công tác tham mưu cho lãnh đạo Công ty trong công tác tổ chức cán bộ, các chế độ chính sách, tiền công, tiền lương cho người lao động kịp thời, chính xác.

Xây dựng phương án trả lương phù hợp với tình hình sản xuất kinh doanh của Công ty trong lúc khó khăn hiện nay (do sản lượng hàng hóa thông qua cảng sụt giảm nghiêm trọng). Để đảm bảo thu nhập ổn định cho người lao động, làm cho người lao động yên tâm công tác. Phương án đã thông qua, được người lao động đồng tình ủng hộ và được Tổng giám đốc phê duyệt áp dụng trả lương năm 2025.

Thường xuyên theo dõi, điều động, sắp xếp lại nhân sự phù hợp với chuyên môn nghiệp vụ của CB - CNV. Đội bảo vệ làm tốt công tác an ninh trật tự, đảm bảo an toàn tài sản của Công ty.

Phối hợp với các cơ quan hữu quan thường xuyên kiểm tra an ninh vùng nước Cảng.

Công tác tổ chức điều hành sản xuất khoa học, hợp lý, đảm bảo năng suất, giải phóng nhanh phương tiện, hàng hóa, thực hiện giải phóng tàu theo yêu cầu của khách hàng đúng kế hoạch, không để xảy ra tình trạng tàu chờ, bố trí cầu bến phù hợp theo yêu cầu sản xuất của công ty, chủ động bố trí tàu lai phục vụ tàu ra vào cầu, bến phao an toàn. Tăng cường công tác kiểm tra giám sát thực hiện nội quy an toàn lao động, quy trình xếp dỡ, tận dụng khai thác tối đa cầu bến, đảm bảo năng suất lao động.

Tổ chức sản xuất hợp lý, điều động phương tiện sản xuất phù hợp với công việc cụ thể của từng mặt hàng nhằm tiết kiệm thời gian và chi phí sản xuất. Thường xuyên kiểm tra bảo dưỡng định kỳ các phương tiện, thiết bị sản xuất để kịp thời phát hiện những hư hỏng. Điều phối phương tiện, nhân sự giữa các Xí nghiệp. Căn cứ vào lượng hàng hóa, tính chất hàng hóa, tình trạng hoạt động của phương tiện, thiết bị sản xuất từng Xí nghiệp và tính năng của từng phương tiện, thiết bị. Công ty đã thực hiện điều chuyển tạm thời phương tiện, thiết bị và nhân sự giữa các Xí nghiệp nhằm tận dụng hiệu quả nhất nguồn lực của cảng.

Phòng dịch vụ tổng hợp kết hợp với tổ khai thác hàng hóa bám sát chủ tàu, các đại lý hàng hải để tiếp thị và cung cấp các dịch vụ hàng hải như: Nước ngọt, cát lót, đồ rác và các dịch vụ hàng hải khác theo yêu cầu của khách hàng.

Đầu tuần Tổng Giám đốc Công ty họp giao ban với Ban điều hành và lãnh đạo các phòng chuyên môn nghiệp vụ của công ty, giám đốc các Xí nghiệp để nắm lại tình hình sản xuất kinh doanh, đồng thời có những chỉ đạo kịp thời để nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh.

2. Công tác quản lý Kỹ thuật – Đầu tư xây dựng:

- Công tác bảo trì, sửa chữa được duy trì thường xuyên, xưởng sửa chữa đảm bảo công tác bảo dưỡng, sửa chữa kịp thời các phương tiện sản xuất không để bị động trong sản xuất.

- Công tác quản lý kỹ thuật luôn được quan tâm, chỉ đạo chặt chẽ. Quyết toán nhiên liệu, vật liệu sản xuất trên cơ sở định mức kỹ thuật đã được phê duyệt. Thường xuyên rà soát, định mức lại nhiên liệu sản xuất của các phương tiện phù hợp với từng loại hàng nhằm tiết kiệm tối đa chi phí, các dự toán sửa chữa và dự án đầu tư mua sắm, xây dựng phải được kiểm tra, thẩm định trước khi trình Ban Tổng Giám đốc phê duyệt. Thành lập mới và ban hành Quy chế Tổ mua hàng theo đúng trình tự thủ tục.



Phần 2

**PHƯƠNG HƯỚNG HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH
QUÍ IV NĂM 2025**

Theo nhận định của Tổng Giám đốc, Ban Điều hành Công ty và thông tin từ khách hàng cho thấy tình hình sản xuất, kinh doanh của Công ty 6 tháng cuối năm tiếp tục gặp nhiều khó khăn do tình hình chính trị thế giới vẫn còn nhiều bất ổn, chuỗi cung ứng container vẫn còn bị tắc nghẽn, luồng cho tàu lớn vào sông hậu vận còn hạn chế bởi mớn nước thấp. Tàu có tải trọng lớn vào nhận hàng đủ tải không ra được nên đa số các tàu đều xếp hàng ở các cảng khu vực Tp. HCM, thời tiết không ổn định do vào mùa mưa bão nên ảnh hưởng rất lớn đến năng suất xếp dỡ.

Tuy nhiên, với nhiều năm kinh nghiệm trong công tác xếp dỡ, được khách hàng tin tưởng, ủng hộ. Sự liên doanh liên kết chặt chẽ với các đơn vị logistic cùng với sự hỗ trợ của các cơ quan hữu quan và sự quyết tâm của toàn thể CB – CNV trong toàn Công ty cố gắng vượt qua khó khăn phấn đấu hoàn thành các chỉ tiêu kế hoạch đề ra 6 tháng cuối năm.

1. Một số định hướng:

Công tác khai thác: Tiếp tục giữ vững nguồn hàng truyền thống thông qua Cảng, giữ vững thị phần, đồng thời mở rộng khai thác thêm nguồn hàng mới.

Tiếp tục quan hệ với các Công ty xuất khẩu gạo theo hợp đồng thương mại sang thị trường Malaysia, Philippin, Indonesia tìm kiếm loại tàu phù hợp đưa về cảng xếp dỡ.

Chủ động tìm khách hàng mới, mặt hàng mới để đa dạng hóa nguồn hàng thông qua Cảng. Đáp ứng yêu cầu của khách hàng bằng chất lượng dịch vụ tốt nhất. Nâng cao năng suất xếp dỡ, đảm bảo an toàn về người, hàng hóa và phương tiện.

Hợp tác chặt chẽ với các đơn vị Logistic tìm kiếm khách hàng, có chính sách giá hợp lý để khách hàng đưa hàng đến Cảng đóng container cũng như vận chuyển container đến kho khách hàng để đóng hàng, mở tuyến vận chuyển container đi các tỉnh lân cận.

Khai thác triệt để cầu tàu, bến phao, dịch vụ lai dắt, dịch vụ cung ứng tàu biển và các dịch vụ hàng hải khác.

Nâng cao chất lượng đóng container gạo tại bãi, đảm bảo số lượng hàng hóa chất xếp, vệ sinh khu vực đóng hàng, cầu cảng, điều độ hiện trường luôn có mặt theo dõi trong quá trình đóng hàng.

*** Một số chỉ tiêu chính Quý IV năm 2025**

- Sản lượng hàng hóa thông qua phân đấu đạt từ 350.000 tấn đến 400.000 tấn.
- Tổng Doanh thu: Từ 12,5 tỷ đồng đến 13,5 tỷ đồng.

- Lợi nhuận trước thuế: Phần đầu có lợi nhuận.

2. Một số giải pháp:

Với những khó khăn trên Ban Điều hành Công ty có những giải pháp cụ thể như sau:

Tăng cường công tác quản lý, rà soát, phân công sắp xếp lại nhân sự phù hợp nhằm tăng năng suất lao động, giảm chi phí, mang lại hiệu quả cao trong SXKD. Quản lý chặt chẽ chi phí quản lý, Công cụ dụng cụ sản xuất, chi phí sửa chữa phương tiện, máy móc thiết bị. Thực hành tiết kiệm trên tất cả các lĩnh vực. Tăng cường công tác bảo vệ cơ quan, phân công ứng trực phương tiện sản xuất để bảo vệ tài sản cũng như ứng phó kịp thời các sự cố phát sinh trong mùa mưa bão, đảm bảo an ninh trật tự trong toàn Công ty.

Tăng cường công tác khai thác hàng hóa, nắm bắt kịp thời thông tin khách hàng để đề ra chiến lược khai thác. Tập trung khai thác các mặt hàng thể mạnh như gạo, clinker, phân bón. Có chiến lược cạnh tranh với các Cảng lân cận để thu hút khách hàng, tăng cường công tác kiểm tra giám sát các hành vi nhũng nhiễu, tiêu cực làm ảnh hưởng đến uy tín của Cảng.

Kết hợp với các đơn vị Logistic khai thác thêm nhiều khách hàng mới, mặt hàng mới. Nhất là các khách hàng tiềm năng xuất khẩu gạo tại địa phương và các khu vực lân cận để đóng hàng container tại Cảng cũng như vận chuyển container đóng hàng tại kho của khách hàng bằng đường bộ.

Tập trung khai thác các dịch vụ cung ứng tàu biển như: Cốt lót, cấp nước, đổ rác và các dịch vụ hàng hải khác. Thường xuyên liên hệ với các sở, ban ngành của tỉnh để hoàn thành thủ tục cấp phép kinh doanh xăng dầu.

Tập trung kiểm tra bảo dưỡng thường xuyên các phương tiện sản xuất, nhằm phát hiện kịp thời những hư hỏng để khắc phục đưa vào sản xuất. Kiểm tra chặt chẽ việc sử dụng công cụ dụng cụ sản xuất, đề ra giải pháp sử dụng tiết kiệm công cụ dụng cụ sản xuất làm giảm tối đa chi phí sản xuất cho Công ty.

Xí Nghiệp Cảng Mỹ Thới phân công công việc hợp lý, điều động phương tiện sản xuất phù hợp để giải phóng nhanh hàng hóa cho khách hàng. Quản lý chặt chẽ các đội CNXD thủ công, tăng cường lực lượng công nhân đảm bảo năng suất xếp dỡ đồng bộ với phương tiện cơ giới.

Xí nghiệp Cảng Bình Long tăng cường khai thác hàng hóa xếp dỡ, hàng hóa lưu kho, tận dụng triệt để nhu cầu bốc xếp vận chuyển hàng hóa tại khu công nghiệp Bình Long.

Xí nghiệp Vận Tải Bộ cùng với phòng Kế Hoạch khai thác hàng hóa vận chuyển container về kho khách hàng đóng hàng và mở rộng khu vực vận chuyển ra các khu công nghiệp ở các tỉnh lân cận.

Tăng cường công tác phối hợp giữa các phòng, ban, xí nghiệp nhằm quản lý điều hành sản xuất một cách khoa học, tiết kiệm. Quản lý chặt chi phí nhằm giảm giá thành. Thu hồi công nợ kịp thời, không để phát sinh nợ khó đòi. Đồng thời kiểm tra công tác quản lý kỹ thuật, an toàn vệ sinh lao động, phòng cháy chữa cháy, vệ sinh môi trường... ứng dụng công nghệ thông tin vào công tác khai thác, quản lý, thống kê.

Trên đây là báo cáo kết quả hoạt động sản xuất, kinh doanh 06 tháng, quý III năm 2025 và phương hướng quý IV năm 2025. Xin trình Hội đồng quản trị công ty.

Nơi nhận:

- Các thành viên HĐQT,
- Ban kiểm soát,
- Ban điều hành C.ty,
- Quý cổ đông;
- Lưu: VP.HĐQT.



TỔNG GIÁM ĐỐC

Bùi Thành Hiệp

BÁO CÁO TÀI CHÍNH
(6 THÁNG ĐẦU NĂM 2025)

Kính gửi: Hội đồng quản trị công ty cổ phần Cảng An Giang.

Căn cứ báo cáo tài chính 6 tháng đầu năm 2025 đã được kiểm toán. Công ty cổ phần Cảng An Giang báo cáo tóm tắt một số chỉ tiêu chính về tình hình tài chính của công ty như sau:

I. BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN:

Đơn vị tính: VNĐ

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
1	2	3	4	5
A-TÀI SẢN NGẮN HẠN (100=110+120+130+140+150)	100		92.382.261.148	90.633.594.474
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V1	11.386.970.339	10.824.353.350
1. Tiền	111		11.386.970.339	10.824.353.350
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120	V2	50.000.000.000	52.000.000.000
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	V2a.	50.000.000.000	52.000.000.000
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		25.782.703.630	21.943.987.613
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V3	15.594.306.434	10.495.861.227
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V4a	205.835.000	422.435.000
3. Phải thu ngắn hạn khác	136	V5	11.567.083.350	12.610.212.540
4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi (*)	137	V6	(1.584.521.154)	(1.584.521.154)
IV. Hàng tồn kho	140		2.063.217.826	2.568.144.454
1. Hàng tồn kho	141	V7	2.063.217.826	2.568.144.454
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho (*)	149		-	-
V- Tài sản ngắn hạn khác	150		3.149.369.353	3.297.109.057
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V8a	423.324.018	358.905.285
2. Thuế và các khoản phải thu nhà nước	153	V14	2.726.045.335	2.938.203.772
B- TÀI SẢN DÀI HẠN (200=210+220+240+250+260)	200		54.590.263.715	57.485.236.423
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		526.902.200	526.902.200
1. Trả trước cho người bán dài hạn	212	V4b	526.902.200	526.902.200
II. Tài sản cố định	220		45.579.976.337	49.084.657.048
1. TSCĐ hữu hình	221	V9	42.528.400.623	46.033.081.334
- Nguyên giá	222		188.346.597.736	188.346.597.736
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	223		(145.818.197.113)	(142.313.516.402)
2. TSCĐ thuê tài chính	224		-	-

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
1	2	3	4	5
3. TSCĐ vô hình	227	V10	3.051.575.714	3.051.575.714
- Nguyên giá	228		3.051.575.714	3.051.575.714
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	229		-	-
III. Bất động sản đầu tư	230		0	0
- Nguyên giá	231		-	-
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	232		-	-
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240		669.961.356	643.405.800
1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	V11	669.961.356	643.405.800
V. Đầu tư tài chính dài hạn	250		3.120.708.813	3.120.708.813
1. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253	V2b.	4.320.000.000	4.320.000.000
2. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn (*)	254	V2b	(1.199.291.187)	(1.199.291.187)
VI. Tài sản dài hạn khác	260		4.692.715.009	4.109.562.562
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V8b	4.692.715.009	4.109.562.562
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)	270		146.972.524.863	148.118.830.897
NGUỒN VỐN				
A- NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310 + 330)	300		3.757.095.810	4.896.817.406
I. Nợ ngắn hạn	310		2.527.205.810	3.666.927.406
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V12	425.380.965	199.914.750
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	V13	543.136	47.135
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà Nước	313	V14	254.156.312	202.288.091
4. Phải trả người lao động	314	V15	1.186.826.311	2.135.100.461
5. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318	V16	90.000.000	270.000.000
6. Phải trả ngắn hạn khác	319	V17a	278.985.956	183.765.171
7. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		291.313.130	675.811.798
II- Nợ dài hạn	330		1.229.890.000	1.229.890.000
1. Phải trả dài hạn khác	337	V17b	1.229.890.000	1.229.890.000
B- VỐN CHỦ SỞ HỮU (400 = 410 + 420)	400		143.215.429.053	143.222.013.491
I. Vốn chủ sở hữu	410		143.215.429.053	143.222.013.491
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411	V18	138.000.000.000	138.000.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		138.000.000.000	138.000.000.000
- Cổ phiếu ưu đãi	411b		-	-
2. Quỹ đầu tư phát triển	418		5.883.586.660	5.883.586.660
3. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		(668.157.607)	(661.573.169)
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		(661.573.169)	(661.573.169)
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		(6.584.438)	
4. Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản	422		-	-
II. Nguồn kinh phí và các quỹ khác	430		0	0
1. Nguồn kinh phí	431		-	-
2. Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ	432		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)	440		146.972.524.863	148.118.830.897

1257
NG T
CP
ẢNH
GLAN
YÊN-T

II. KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH:

Đơn vị tính: VNĐ

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
<i>I</i>	<i>2</i>	<i>3</i>	<i>4</i>	<i>5</i>
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	22.310.884.469	19.418.583.522
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		0	0
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10=01-02)	10		22.310.884.469	19.418.583.522
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.2	19.433.777.770	19.149.068.972
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10 - 11)	20		2.877.106.699	269.514.550
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.3	1.358.786.280	1.762.226.907
7. Chi phí tài chính	22	VI.4	0	0
Trong đó: Chi phí lãi vay	23		0	0
8. Chi phí bán hàng	25	VI.5	419.852.796	652.201.741
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.6	3.796.563.016	4.661.744.126
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh [30=20+(21-22)-(25+26)]	30		19.477.167	(3.282.204.410)
11. Thu nhập khác	31	VI.7	484	3.830.874.061
12. Chi phí khác	32		1.480.447	32.820.800
13. Lợi nhuận khác (40=31-32)	40		(1.479.963)	3.798.053.261
14. Tổng lợi nhuận trước thuế (50=30+ 40)	50		17.997.204	515.848.851
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51		24.581.642	(28.485.739)
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		0	0
17. Lợi nhuận sau thuế TNDN (60=50-51-52)	60	VI.8	(6.584.438)	544.334.590
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu(*)	70		(0)	39

Kính trình Hội đồng quản trị thông qua./. *Cu*

Nơi nhận:

- HĐQT, BKS, BTGD;
- Thư ký HĐQT;
- Lưu VT HĐQT.



TỔNG GIÁM ĐỐC

Bùi Thành Hiệp

BÁO CÁO TÀI CHÍNH
(QUÍ III NĂM 2025)

Kính gửi: Hội đồng quản trị công ty cổ phần Cảng An Giang.

Căn cứ báo cáo tài chính quý 3 năm 2025 của công ty. Công ty cổ phần Cảng An Giang báo cáo tóm tắt một số chỉ tiêu chính về tình hình tài chính của công ty như sau:

I. BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN:

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối quý	Số đầu năm
1	2	3	4	5
A-TÀI SẢN NGẮN HẠN (100=110+120+130+140+150)	100		90.927.500.330	90.633.594.474
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V1	11.059.393.289	10.824.353.350
1. Tiền	111		11.059.393.289	10.824.353.350
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120	V2	50.000.000.000	52.000.000.000
1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	V2a.	50.000.000.000	52.000.000.000
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		25.543.698.220	21.943.987.613
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V3	15.317.179.446	10.495.861.227
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V4a	199.535.000	422.435.000
3. Phải thu ngắn hạn khác	136	V5	11.611.504.928	12.610.212.540
4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi (*)	137	V6	(1.584.521.154)	(1.584.521.154)
IV. Hàng tồn kho	140		2.074.617.320	2.568.144.454
1. Hàng tồn kho	141	V7	2.074.617.320	2.568.144.454
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho (*)	149		-	-
V- Tài sản ngắn hạn khác	150		2.249.791.501	3.297.109.057
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V8a	424.327.336	358.905.285
2. Thuế và các khoản phải thu nhà nước	153	V14	1.825.464.165	2.938.203.772
B- TÀI SẢN DÀI HẠN (200=210+220+240+250+260)	200		55.755.513.018	57.485.236.423
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		526.902.200	526.902.200
1. Trả trước cho người bán dài hạn	212	V4b	526.902.200	526.902.200
II. Tài sản cố định	220		46.972.579.777	49.084.657.048
1. TSCĐ hữu hình	221	V9	43.921.004.063	46.033.081.334
- Nguyên giá	222		191.531.106.536	188.346.597.736
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	223		(147.610.102.473)	(142.313.516.402)
2. TSCĐ thuê tài chính	224		-	-
- Nguyên giá	225		-	-

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối quý	Số đầu năm
<i>I</i>	<i>2</i>	<i>3</i>	<i>4</i>	<i>5</i>
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	226		-	-
3. TSCĐ vô hình	227	V10	3.051.575.714	3.051.575.714
- Nguyên giá	228		3.051.575.714	3.051.575.714
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	229		-	-
III. Bất động sản đầu tư	230		0	0
- Nguyên giá	231		-	-
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	232		-	-
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240		639.405.800	643.405.800
1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	V11	639.405.800	643.405.800
V. Đầu tư tài chính dài hạn	250		3.120.708.813	3.120.708.813
1. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253	V2b	4.320.000.000	4.320.000.000
2. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn (*)	254	V2b	(1.199.291.187)	(1.199.291.187)
VI. Tài sản dài hạn khác	260		4.495.916.428	4.109.562.562
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V8b	4.495.916.428	4.109.562.562
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)	270		146.683.013.348	148.118.830.897
NGUỒN VỐN				
A- NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310 + 330)	300		3.638.729.329	4.896.817.406
I. Nợ ngắn hạn	310		2.408.839.329	3.666.927.406
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V12	518.489.592	199.914.750
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	V13	243.136	47.135
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà Nước	313	V14	323.512.270	202.288.091
4. Phải trả người lao động	314	V15	1.331.650.431	2.135.100.461
5. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318	V16	-	270.000.000
6. Phải trả ngắn hạn khác	319	V17a	31.615.770	183.765.171
7. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		203.328.130	675.811.798
II- Nợ dài hạn	330		1.229.890.000	1.229.890.000
1. Phải trả dài hạn khác	337	V17b	1.229.890.000	1.229.890.000
B- VỐN CHỦ SỞ HỮU (400 = 410 + 420)	400		143.044.284.019	143.222.013.491
I. Vốn chủ sở hữu	410		143.044.284.019	143.222.013.491
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411	V18	138.000.000.000	138.000.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		138.000.000.000	138.000.000.000
- Cổ phiếu ưu đãi	411b		-	-
2. Quỹ đầu tư phát triển	418		5.883.586.660	5.883.586.660
3. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		(839.302.641)	(661.573.169)
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		(661.573.169)	(661.573.169)
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		(177.729.472)	-
4. Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản	422		-	-
II. Nguồn kinh phí và các quỹ khác	430		0	0
1. Nguồn kinh phí	431		-	-
2. Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ	432		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)	440		146.683.013.348	148.118.830.897

0125108
CÔNG TY
CP
ẢNH
J GIANG
UYÊN-T.1

II. KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH:

Đơn vị tính: VNĐ

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Quý III		Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý này	
			Năm nay	Năm trước	Năm nay	Năm trước
1	2	3	4	5	6	7
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VL1	12.172.184.439	9.877.867.231	34.483.068.908	29.296.450.753
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		0	0	0	0
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10=01-02)	10		12.172.184.439	9.877.867.231	34.483.068.908	29.296.450.753
4. Giá vốn hàng bán	11	VL2	10.643.776.337	9.080.682.350	30.077.554.107	28.229.751.322
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10 - 11)	20		1.528.408.102	797.184.881	4.405.514.801	1.066.699.431
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VL3	707.193.420	691.304.557	2.065.979.700	2.453.531.464
7. Chi phí tài chính	22	VL4	0	0	0	0
Trong đó: Chi phí lãi vay	23		0	0	0	0
8. Chi phí bán hàng	25	VL5	207.714.857	316.781.843	627.567.653	968.983.584
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VL6	2.202.954.008	2.036.016.950	5.999.517.024	6.697.761.076
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh [30=20+(21-22)-(25+26)]	30		(175.067.343)	(864.309.355)	(155.590.176)	(4.146.513.765)
11. Thu nhập khác	31	VL7	171	8.256.066	655	3.839.130.127
12. Chi phí khác	32		20.373.392	0	21.853.839	32.820.800
13. Lợi nhuận khác (40=31-32)	40		(20.373.221)	8.256.066	(21.853.184)	3.806.309.327
14. Tổng lợi nhuận trước thuế (50=30+ 40)	50		(195.440.564)	(856.053.289)	(177.443.360)	(340.204.438)
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51		(24.295.530)	0	286.112	(28.485.739)
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		0	0	0	0
17. Lợi nhuận sau thuế TNDN (60=50-51-52)	60	VL8	(171.145.034)	(856.053.289)	(177.729.472)	(311.718.699)
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu(*)	70		(12)	(62)	(13)	(23)

Kính trình Hội đồng quản trị thông qua./.

Nơi nhận:

- HĐQT, BKS, BTGD;
- Thư ký HĐQT;
- Lưu VT HĐQT.



TỔNG GIÁM ĐỐC

Bùi Thành Hiệp



CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG AN GIANG

Quốc lộ 91, Tổ 15, K. Đông Thịnh B, P. Mỹ Thạnh, Long Xuyên, An Giang

Điện thoại: 076 3831447 - 3831535

Fax: 076 3831129

Website: www.angiangport.com.vn

An Giang, ngày 16 tháng 10 năm 2025

Số : 92 / TTr. CAG

TỜ TRÌNH

Về việc xin thanh lý tài sản cố định

Kính gửi : Hội đồng Quản trị Công ty Cổ phần Cảng An Giang

Căn cứ Luật Doanh nghiệp của Quốc hội Nước Cộng Hòa Xã Hội Chủ Nghĩa Việt nam số 59/2020/QH14 ngày 17/06/2020;

Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty Cổ phần Cảng An Giang được sửa đổi bổ sung ngày 22/4/2016;

Căn cứ Quyết định số 04-QĐ/HĐQT. AGP ngày 09 tháng 11 năm 2016 của Hội đồng Quản Trị về việc ban hành Quy chế Tài Chính Công ty Cổ phần Cảng An Giang;

Căn cứ đề nghị xin thanh lý tài sản cố định ngày 09 tháng 07 năm 2025 của Xí nghiệp Cảng Mỹ Thới, Xí nghiệp Vận Tải bộ, Phòng TCHC-LĐTL & PC về việc xin thanh lý một số tài sản cố định đã hết thời hạn sử dụng hoặc hỏng hóc lớn không thể sửa chữa, khắc phục được.

Căn cứ chứng thư thẩm định giá số 18/2025/CT-ĐG/MIVC-VL của Công ty CP Thẩm Định Giá Và Tư Vấn Đầu Tư Miền Tây ngày 18 tháng 08 năm 2025.

Căn cứ khoản b điều 19.3 Quy chế Tài Chính Công ty Cổ phần Cảng An Giang nêu rõ : Hội đồng Quản trị quyết nghị các phương án thanh lý, nhượng bán các khoản đầu tư tư dài hạn, tài sản cố định có giá trị còn lại đến 35% (ba mươi lăm phần trăm) tổng giá trị tài sản ghi trên sổ sách kế toán của Công ty tại thời điểm gần nhất.


Công ty Cổ phần Cảng An Giang kính trình Hội đồng quản trị phê duyệt cho thanh lý một số tài sản cố định của công ty đã hết thời hạn sử dụng hoặc hỏng hóc lớn không thể sửa chữa, khắc phục được (có bảng danh mục xin thanh lý đính kèm tại ngày 30 tháng 06 năm 2025), cụ thể:

+ Tổng giá trị nguyên giá : 10.964.966.878 đồng

+ Tổng giá trị hao mòn : 10.817.947.366 đồng

+ Tổng giá trị còn lại : 147.019.512 đồng

Trên cơ sở kết quả đã được thẩm định của Công ty CP Thẩm Định Giá Và Tư Vấn Đầu Tư Miền Tây ngày 18 tháng 08 năm 2025 có giá trị là: **1.386.730.000 đồng** (Một tỷ, ba trăm tám mươi sáu triệu, bảy trăm ba mươi nghìn đồng chẵn) (có chứng thư thẩm định giá kèm theo)

Trân trọng kính trình. 

Nơi nhận:

- HĐQT, BKS
- Ban Tổng Giám đốc Công ty;
- Thư ký HĐQT;
- Lưu VT.



TỔNG GIÁM ĐỐC

Bùi Thành Hiệp



CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG AN GIANG

Quốc lộ 91, Tổ 15, K.Đông Thịnh B, P.Mỹ Thới, An Giang

Điện thoại: 0296 3831447 - 3831535

Fax: 0296 3831129

Website: www.angiangport.com.vn

Số: 96.711-CAG

An Giang, ngày 15 tháng 10 năm 2025

TỜ TRÌNH

Về việc bổ nhiệm Người phụ trách quản trị Công ty

Kính gửi: Hội Đồng Quản Trị Công ty Cổ phần Cảng An Giang

- Căn cứ vào Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/06/2020;
- Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động Công ty Cổ phần Cảng An Giang (Công ty) đã sửa đổi bổ sung và được ĐHĐCĐ thông qua ngày 13/5/2021;
- Căn cứ Luật Chứng khoán số 54/2019/QH 14 và Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;
- Căn cứ vào yêu cầu tổ chức hoạt động của Công ty;

Văn phòng HĐQT kính trình Hội đồng quản trị xem xét bổ nhiệm Người phụ trách quản trị công ty, như sau:

*** Bổ nhiệm ông Nguyễn Minh Hải.**

- Sinh ngày: 20/12/1979 - Dân tộc: Kinh - Quốc tịch: Việt Nam
- Số CCCD: 089079019743, ngày cấp: 22/11/2021, nơi cấp: Cục CSQLHC về TTXH.
- Trình độ chuyên môn: Cử nhân Hành chính;
- Chức danh: Thư ký HĐQT; Phó phòng TCHC-LĐTL-PC.

Nhận xét và đề xuất: Căn cứ quy định và quá trình công tác trong thời gian qua, Ông Nguyễn Minh Hải đủ điều kiện bổ nhiệm theo quy định.

Kính trình Hội đồng quản trị xem xét thông qua.

Trân trọng kính trình !

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu VT HĐQT.

CHÁNH VĂN PHÒNG HĐQT

Trần Văn Cam